

Số: 1002/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035 và định hướng tới năm 2045

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 189/NQ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91/KL-TW ngày 12 tháng 08 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 1688/BGDĐT-GDDH ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Tờ trình số 1947/TTr-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 kèm theo Đề án “Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035 và định hướng tới năm 2045”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035 và định hướng tới năm 2045 (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu, cần các chính sách đột phá, cơ chế đặc thù, nguồn lực đầu tư xứng tầm, giải pháp cấp bách và lâu dài, lộ trình thực hiện phù hợp.

2. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo và điều phối, cung cấp nguồn lực chủ đạo để đầu tư, hỗ trợ đào tạo các lĩnh vực khoa học cơ bản, đào tạo tiến sĩ và nghiên cứu chuyên sâu phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược; huy động tối đa sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước.

3. Mở rộng đào tạo trình độ cao, chất lượng cao trong các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng về cơ cấu nhân lực của các lĩnh vực công nghệ cao; tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân tài trong các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ then chốt trực tiếp phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên.

4. Gắn kết chặt chẽ đào tạo với thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học; gắn kết với thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu có uy tín và các doanh nghiệp công nghệ lớn trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên, phù hợp với các trọng tâm ưu tiên trong từng giai đoạn của Việt Nam.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Chuẩn bị nguồn nhân lực STEM có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao đáp ứng nhu cầu mở rộng đầu tư phát triển các lĩnh vực công nghệ cao, trọng tâm là đội ngũ nhân lực tài năng có khả năng tham gia sâu vào công đoạn nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên; tạo lợi thế cạnh tranh quốc gia trong thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn trên thế giới, góp phần chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế và phát triển bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Tăng nhanh quy mô đào tạo trình độ cao khối ngành STEM, nhất là các ngành khoa học cơ bản và các ngành liên quan tới công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và công nghệ sinh học:

- Tỷ lệ người theo học các ngành STEM đạt 35% ở mỗi trình độ đào tạo, trong đó ít nhất 2,5% thuộc các ngành khoa học cơ bản và 18% thuộc các ngành liên quan tới công nghệ số.

- Tính trên tổng quy mô đào tạo khối ngành STEM, số người học các chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ chiếm ít nhất 10% và số người học các chương trình đào tạo tiến sĩ chiếm ít nhất 1%; tỷ lệ nữ giới chiếm ít nhất 20%.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông đạt 80 nghìn người/năm trong đó ít nhất 10% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo đạt 8 nghìn người/năm trong đó ít nhất 20% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ; 100% chương trình đào tạo cử nhân, kỹ sư và thạc sĩ thuộc khối ngành STEM được tích hợp kiến thức, kỹ năng phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu về sinh học, công nghệ sinh học và y sinh đạt 5 nghìn người/năm trong đó ít nhất 20% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

b) Tạo đột phá trong đào tạo, bồi dưỡng nhân tài gắn với phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh trong các ngành khoa học cơ bản, các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên, các dự án trọng điểm quốc gia:

- Ít nhất 2.000 người có trình độ tiến sĩ các ngành STEM đang làm việc ở nước ngoài được tuyển dụng làm giảng viên đại học trong nước hoặc có hợp đồng giảng dạy ít nhất một học kỳ tại cơ sở giáo dục đại học.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo tài năng trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược hàng năm đạt khoảng 5 nghìn kỹ sư, thạc sĩ và 500 tiến sĩ, trong đó ít nhất 20% thuộc các chương trình chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo.

- Ít nhất 30 nhóm nghiên cứu mạnh được công nhận thuộc các lĩnh vực STEM trong đó có 20 nhóm thuộc các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên; thứ hạng về công bố quốc tế trong các lĩnh vực STEM được cải thiện liên tục.

3. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2030 - 2035

a) Tiếp tục tăng quy mô đào tạo trình độ cao thuộc khối ngành STEM, nhất là ở các ngành khoa học cơ bản và các ngành liên quan tới công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và công nghệ sinh học:

- Tỷ lệ người theo học các ngành STEM đạt 40% ở mỗi trình độ đào tạo, trong đó ít nhất 3% thuộc các ngành khoa học cơ bản và 20% thuộc các ngành liên quan tới công nghệ số.

- Tính trên tổng quy mô đào tạo khối ngành STEM, số người theo học các chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ chiếm ít nhất 15% và số người theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ chiếm ít nhất 1,5%; tỉ lệ nữ giới chiếm ít nhất 25%.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông đạt 100 nghìn người/năm trong đó ít nhất 15% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo đạt 15 nghìn người/năm trong đó ít nhất 20% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu về sinh học, công nghệ sinh học và y sinh đạt 8 nghìn người/năm trong đó ít nhất 20% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

b) Tiếp tục mở rộng đào tạo, phát triển nhân tài, các nhóm nghiên cứu mạnh trong các ngành khoa học cơ bản, các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên:

- Ít nhất 3.000 người có trình độ tiến sĩ các ngành STEM đang làm việc ở nước ngoài được tuyển dụng làm giảng viên đại học hoặc có hợp đồng giảng dạy ít nhất một học kỳ tại cơ sở giáo dục đại học.

- Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo tài năng trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược hàng năm đạt 8 nghìn kỹ sư, thạc sĩ và 1 nghìn tiến sĩ.

- Có ít nhất 50 nhóm nghiên cứu mạnh được công nhận thuộc các lĩnh vực STEM trong đó có 30 nhóm thuộc các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên; thứ hạng về công bố quốc tế trong các lĩnh vực STEM tiếp tục được cải thiện.

4. Định hướng tới năm 2045

a) Quy mô và tỉ trọng đào tạo các ngành STEM tiếp tục tăng, trong đó tỉ lệ theo học thạc sĩ, tiến sĩ đạt tương đương mức trung bình chung của các nước phát triển, có mức thu nhập cao.

b) Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu các ngành STEM được tăng cường đầu tư, phát triển đạt tiêu chuẩn ngang tầm với các nước tiên tiến.

c) Phạm vi và quy mô đào tạo các chương trình đào tạo tài năng tiếp tục được mở rộng tới tất cả lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên, nhất là ở các trình độ kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ.

d) Nguồn nhân lực STEM trình độ cao, chất lượng cao trở thành lợi thế cạnh tranh cốt lõi của Việt Nam trong thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, nhất là các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

đ) Hệ thống giáo dục đại học Việt Nam được xếp vào nhóm hàng đầu khu vực châu Á trong đào tạo và nghiên cứu các ngành STEM, nhất là các ngành về công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và công nghệ sinh học.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường chính sách đầu tư cho giáo dục STEM và hỗ trợ tài chính cho người học các ngành STEM

a) Tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, củng cố nền tảng kiến thức và sự quan tâm của học sinh phổ thông đối với các ngành nghề STEM thông qua các giải pháp tăng cường bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ cho giáo dục STEM và tuyên truyền nâng cao nhận thức về các ngành nghề STEM.

b) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về tín dụng ưu đãi đối với người học theo hướng mở rộng đối tượng và điều kiện vay, giảm lãi suất, tăng mức vay và thời hạn trả nợ, có ưu đãi đặc biệt đối với các ngành STEM.

c) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về học bổng khuyến khích học tập theo hướng mở rộng đối tượng, nguồn chi từ ngân sách nhà nước, có chế độ ưu tiên theo đối tượng và ngành đào tạo; ưu tiên học bổng ở mức cao nhất đối với người học thuộc các chương trình đào tạo tài năng trong Đề án.

d) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về miễn, giảm học phí để áp dụng cho người học thuộc các chương trình đào tạo tài năng thuộc phạm vi Đề án và các chương trình đào tạo nhân lực cho các ngành, chuyên ngành được xác định trong các chương trình, chiến lược và đề án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Hoàn thiện và đẩy mạnh triển khai các chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút đội ngũ giảng viên giỏi

a) Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, hỗ trợ kinh phí thu hút, tuyển dụng, thuê giảng viên giỏi ở nước ngoài thuộc các ngành STEM về làm việc, giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước, đặc biệt đối với các chương trình đào tạo tài năng.

b) Sửa đổi, hoàn thiện quy định về tiêu chuẩn, quy trình công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; tăng quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học trong thu hút, tuyển dụng giảng viên xuất sắc vào các vị trí quản lý học thuật, gắn với bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư.

c) Hỗ trợ giảng viên các chương trình đào tạo tài năng đi học ngắn hạn ở nước ngoài, áp dụng chế độ theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ (trung bình 2 giảng viên cho một chương trình mỗi năm).

3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ phục vụ đào tạo và nghiên cứu trong các cơ sở giáo dục đại học

a) Đầu tư nâng cấp hệ thống phòng thí nghiệm, công nghệ và học liệu phục vụ đào tạo, nghiên cứu trong các ngành STEM phục vụ phát triển công nghệ cao; ưu tiên đầu tư hiện đại cho các cơ sở đào tạo được lựa chọn triển khai các chương trình đào tạo tài năng.

b) Nghiên cứu sửa đổi quy định về tỉ lệ vay lại vốn vay ODA và các vốn vay ưu đãi khác theo hướng áp dụng mức ưu đãi cao nhất cho các cơ sở giáo dục đại học công lập, không phân biệt mức độ tự chủ tài chính; nghiên cứu trình Chính phủ phê duyệt tỉ lệ vay lại ở mức thấp nhất đối với các dự án đầu tư thuộc phạm vi Đề án này.

4. Triển khai các chương trình đào tạo tài năng gắn kết với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

a) Triển khai 100 chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ tài năng và 100 chương trình đào tạo tiến sĩ tài năng trong các ngành STEM gắn với phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên.

b) Sửa đổi, bổ sung các điều kiện, tiêu chí về đào tạo sau đại học, nhất là đào tạo tiến sĩ trong các quy định về đánh giá xét chọn đề tài, tuyển chọn hoặc giao tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ các cấp; các quy định về đánh giá kết quả hoạt động khoa học và công nghệ.

c) Ưu tiên giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ cho các cơ sở đào tạo chủ trì triển khai nhiều chương trình đào tạo tài năng, nhóm nghiên cứu và người chủ trì đề tài tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh theo chương trình đào tạo tài năng.

d) Xây dựng các chính sách khuyến khích nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chính sách khuyến khích hợp tác đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ gắn với hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp.

5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu các ngành STEM và các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược

a) Tăng cường xây dựng, mở rộng quan hệ quốc tế ở các cấp, đặc biệt là với các quốc gia, nền kinh tế có trình độ phát triển cao về khoa học và công nghệ, các tập đoàn công nghệ lớn và các tổ chức quốc tế để trao đổi kinh nghiệm, hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực gắn với nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.

b) Ưu tiên học bổng cho đào tạo sau đại học phục vụ phát triển các lĩnh vực công nghệ chiến lược, nhất là đối với chương trình học bổng theo hiệp định liên chính phủ.

c) Sửa đổi, hoàn thiện quy định về xin cấp phép tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế theo hướng tạo thuận lợi, giao quyền chủ động và trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở nghiên cứu, nhất là các hội thảo, hội nghị thuộc phạm vi các ngành STEM, các lĩnh vực công nghệ cao.

6. Tăng cường huy động, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư

a) Lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp của Đề án vào các chương trình, đề án, dự án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí cho triển khai thực hiện Đề án.

b) Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công theo hướng giao quyền tự chủ cao cho các cơ sở giáo dục đại học công lập.

c) Nghiên cứu, đề xuất các chính sách khuyến khích doanh nghiệp hỗ trợ thực tập, học bổng và trả nợ vốn vay cho người tốt nghiệp được tuyển dụng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Kinh phí thực hiện Đề án được ưu tiên bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật về đầu tư công; nguồn thu hợp pháp của các cơ sở đào tạo; nguồn đầu tư, tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Trong đó, ngân sách nhà nước bố trí để hỗ trợ thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp của Đề án bao gồm:

1. Kinh phí thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và kinh phí cấp học bổng khuyến khích học tập theo quy định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Giáo dục, áp dụng cho tất cả chương trình đào tạo và có chế độ ưu tiên cho các đối tượng thuộc phạm vi Đề án;
2. Kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao STEM được cơ quan nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;
3. Kinh phí cấp bù học phí theo quy định của Chính phủ đối với người học các chương trình đào tạo tài năng STEM tại các cơ sở đào tạo được phê duyệt;
4. Kinh phí đào tạo tiến sĩ cho giảng viên được bố trí theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ;
5. Kinh phí đào tạo giảng viên ngắn hạn ở nước ngoài, kinh phí hỗ trợ mời giảng viên ở nước ngoài sang Việt Nam giảng dạy, kinh phí hỗ trợ thu hút, tuyển dụng giảng viên xuất sắc từ nước ngoài về làm giảng viên cho các chương trình đào tạo tài năng trong Đề án;
6. Kinh phí đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở đào tạo, trong đó có kinh phí đầu tư mới hoặc nâng cấp các phòng thí nghiệm phục vụ giảng dạy, nghiên cứu cho các chương trình đào tạo tài năng được phê duyệt;
7. Kinh phí cho xây dựng học liệu và tổ chức các đợt tập huấn, bồi dưỡng chung cho đội ngũ giáo viên chủ chốt trong toàn ngành về năng lực số, giáo dục STEM, công nghệ giáo dục và công tác hướng nghiệp;
8. Kinh phí phục vụ triển khai Chương trình “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050” được phân tách cho triển khai các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực bán dẫn theo Chương trình này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án vào việc triển khai các nhiệm vụ được giao trong các Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

b) Xây dựng, ban hành chuẩn chương trình đào tạo tài năng và các tiêu chí đánh giá, lựa chọn các chương trình đào tạo, cơ sở đào tạo tham gia đào tạo tài

năng; hướng dẫn đăng ký, tổ chức xét chọn cơ sở đào tạo và giao chỉ tiêu đào tạo tài năng; hướng dẫn các cơ sở đào tạo đề xuất các dự án đầu tư các phòng thí nghiệm và triển khai các chương trình đào tạo tài năng.

c) Điều phối, theo dõi, đánh giá triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ hàng năm, trong đó đề xuất giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc (nếu có); kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án để đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao trong từng giai đoạn.

d) Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung báo cáo và đề xuất, kiến nghị về việc phê duyệt Đề án tại Văn bản số 1688/BGDĐT-GDĐH ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Tờ trình số 1947/TTr-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án liên quan tới thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ gắn kết với đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học vào việc triển khai các nhiệm vụ được giao theo các Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

b) Hướng dẫn triển khai, ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược gắn với các chương trình đào tạo tài năng, đào tạo tiến sĩ các ngành STEM.

c) Xây dựng dự báo xu hướng nhu cầu nhân lực khoa học, công nghệ và nhân lực công nghiệp công nghệ số; xác định nhu cầu sử dụng nhân lực cụ thể cho từng giai đoạn, triển khai đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

3. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan rà soát, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Lồng ghép trong thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị các nội dung nhiệm vụ, giải pháp của Đề án về chính sách tín dụng ưu đãi cho người học (giải pháp III.1.b), tỉ lệ vay lại vốn vay ODA và các vốn vay ưu đãi khác (giải pháp III.3.b) và tăng cường huy động, đa dạng hóa nguồn lực đầu tư (nhiệm vụ III.6).

4. Bộ Quốc phòng

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp quốc phòng theo Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo; đào tạo các ngành lưỡng dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước theo Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 năm 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới

căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường và định hướng chủ nghĩa xã hội và hội nhập quốc tế.

5. Bộ Công an

a) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách visa, tạo thuận lợi thu hút các giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia uy tín nước ngoài đến Việt Nam tham gia đào tạo, nghiên cứu, làm việc trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên.

b) Xác định nhu cầu, triển khai đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo, phối hợp đào tạo nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực an ninh mạng và các lĩnh vực khoa học công nghệ cao khác thuộc phạm vi quản lý và phục vụ triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Bộ Ngoại giao

a) Tổ chức các hoạt động đối ngoại, hỗ trợ thúc đẩy hợp tác quốc tế trong hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao; giới thiệu, kết nối các giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài với các cơ sở đào tạo trong nước.

b) Tham mưu Thủ tướng Chính phủ sửa đổi các quy định về việc tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam, tạo điều kiện cho các giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia nước ngoài về các lĩnh vực STEM tới Việt Nam cộng tác trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Ban hành kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án thuộc phạm vi quản lý cho từng giai đoạn và hàng năm trong đó chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình, đề án, dự án có liên quan;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở đào tạo trực thuộc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án; tổng hợp đề xuất các dự án đầu tư, dự toán kinh phí, bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án theo quy định.

c) Xác định nhu cầu, triển khai đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng nhu cầu thuộc phạm vi quản lý theo ngành.

d) Báo cáo kết quả triển khai Đề án gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Căn cứ vào các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án, xây dựng kế hoạch triển khai cho từng giai đoạn và hàng năm trong đó chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình, đề án, dự án có liên quan.

b) Chỉ đạo sở giáo dục và đào tạo và các cơ sở đào tạo trực thuộc tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên quan của Đề án; tổng hợp đề xuất dự toán kinh phí, bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án theo quy định.

c) Xác định nhu cầu nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ cao trên địa bàn địa phương; xây dựng và đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách đặc thù của địa phương; triển khai đặt hàng, hợp tác đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực các ngành công nghệ cao của địa phương.

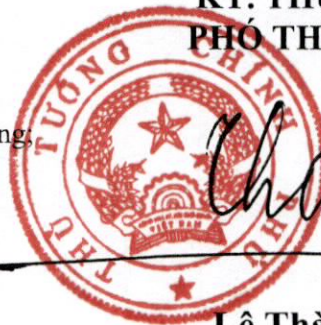
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). 98

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Thành Long